

TOPIC 21: LIFE IN THE FUTURE

I. VOCABULARY

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	Accommodation	n	/əˌkɒməˈdeɪʃn/	chỗ ở
2	Biotechnology	n	/ˌbaɪəʊteknɒlədʒi/	công nghệ sinh học
3	Capitalism	n	/ˈkæpɪtəlɪzəm/	chủ nghĩa tư bản
	Capitalist	n	/ˈkæpɪtəlɪst/	nhà tư bản
	Capital	n	/ˈkæpɪtəl/	thủ đô, tiền vốn, tư bản
4	Combat	v	/ˈkɒmbæt/	chiến đấu
5	Commodity	n	/kəˈmɒdəti/	hàng hóa, mặt hàng
6	Commuter	n	/kəˈmjuːtər/	người đi làm bằng xe buýt, tàu (vé theo tháng)
7	Compatibility	n	/kəmˌpætəˈbɪləti/	tính tương thích
8	Congeniality	n	/kənˌdʒiːniːələti/	sự ăn ý
9	Congruity	n	/kɒŋˈɡruːəti/	sự thích hợp, sự tương đồng
10	Constrained	a	/kənˈstreɪnd/	ngượng nghịu, bối rối
11	Contemporaneously	adv	/kənˌtempəˈreɪniəsli/	cùng thời
12	Crunch	v	/krʌntʃ/	nghiên
13	Durability	n	/ˌdjʊərəˈbɪləti/	sự lâu bền
14	Dweller	n	/ˈdwelər/	người ở
15	Embryo	n	/ˈembriəʊ/	phôi thai
16	Endurance	n	/ɪnˈdjʊərəns/	sức chịu đựng
17	Exponentially	adv	/ˌekspəˈnenʃəli/	theo hàm mũ
18	Fantasy	n	/ˈfæntəsi/	ý nghĩ kì quặc
	Fantastic	a	/fænˈtæstɪk/	kì quái, dị thường
19	Genetic	a	/dʒəˈnetɪk/	thuộc di truyền học
	Gene	n	/dʒiːn/	gen
	Genus	n	/ˈdʒiːnəs/	giống, loài
20	Immorality	n	/ˌɪməˈræləti/	sự trái đạo đức
21	Infernally	adv	/ɪnˈfɜːnəli/	một cách ghê gớm
22	Innovation	n	/ˌɪnəˈveɪʃn/	sự đổi mới, sự cải tiến
23	Instigate	v	/ˈɪnstɪɡeɪt/	xúi giục, xúi bẩy
24	Intuition	n	/ˌɪntjuːˈɪʃn/	trực giác
25	Manipulate	v	/məˈnɪpjuleɪt/	lôi kéo, vận động (bằng mảnh khỏe)
26	Measure	v/n	/ˈmeʒər/	biện pháp, cách xử trí
	Measurement	n	/ˈmeʒəmənt/	sự đo lường, kích thước
27	Mechanization	n	/ˌmekənaɪˈzeɪʃn/	sự cơ giới hóa
	Mechanism	n	/ˈmekənɪzəm/	thuyết cơ giới
	Machinery	n	/məˈʃiːnəri/	cơ cấu máy móc
	Machine	n	/məˈʃiːn/	máy móc
28	Melodramatic	a	/ˌmelədrəˈmætɪk/	cường điệu

29	Miniature	n/a	/ˈmɪnətʃər/	<i>vật thu nhỏ, thu nhỏ lại</i>
30	Optimistic	a	/ˌɒptɪˈmɪstɪk/	<i>lạc quan</i>
	Optimist	n	/ˈɒptɪmɪst/	<i>người lạc quan</i>
	Optimism	n	/ˈɒptɪmɪzəm/	<i>chủ nghĩa lạc quan</i>
31	Pessimistic	a	/ˌpesɪˈmɪstɪk/	<i>bi quan</i>
	Pessimist	n	/ˈpesɪmɪst/	<i>người bi quan</i>
	Pessimism	n	/ˈpesɪmɪzəm/	<i>chủ nghĩa bi quan</i>
32	Photovoltaic	a	/ˌfəʊtəʊvɒlˈteɪk/	<i>thuộc quang điện có lớp chặn</i>
33	Planetary	n	/ˈplænətri/	<i>thuộc hành tinh</i>
34	Prediction	n	/prɪˈdɪkʃn/	<i>sự tiên đoán</i>
	Predict	v	/prɪˈdɪkt/	<i>tiên đoán</i>
	Predictable	a	/prɪˈdɪktəbəl/	<i>có thể tiên đoán</i>
35	Prospective	a	/prəˈspektɪv/	<i>thuộc tương lai, về sau</i>
36	Real	a	/rɪəl/	<i>thật</i>
	Realize	v	/ˈrɪəlaɪz/	<i>nhận ra</i>
	Realization	n	/ˌrɪəlaɪˈzeɪʃən/	<i>sự nhận ra</i>
	Reality	n	/rɪˈæləti/	<i>sự chân thật</i>
37	Senselessly	adv	/ˈsensləsli/	<i>điên rồ, vô nghĩa</i>
38	Sentimentally	adv	/ˌsentɪˈmentəli/	<i>một cách ủy mị, đa sầu đa cảm</i>
39	Shelter	n	/ˈfeltər/	<i>chỗ nương tựa</i>
40	Slum	n	/slʌm/	<i>khu ổ chuột</i>
41	Starship	n	/ˈstɑːʃɪp/	<i>tàu vũ trụ</i>
42	Terrorist	n	/ˈterərɪst/	<i>quân khủng bố</i>
	Terrorism	n	/ˈterərɪzəm/	<i>chủ nghĩa khủng bố</i>
	Terrorize	v	/ˈterəraɪz/	<i>khủng bố, hăm dọa</i>
	Terror	n	/ˈterər/	<i>sự kinh hoàng, sự khiếp sợ</i>
43	Theoretical	a	/ˌθɪəˈretɪkl/	<i>thuộc lý thuyết</i>
44	Underpin	v	/ˌʌndəˈpɪn/	<i>làm cơ sở cho</i>
45	Weapon	n	/ˈwepən/	<i>trang bị</i>

II. STRUCTURES

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	A breath of fresh air	<i>hít thở không khí trong lành</i>
2	Economic depression	<i>khủng hoảng/suy thoái kinh tế</i>
3	Gamble on st	<i>mạo hiểm may rủi, đánh bạc</i>
4	Look on the bright side	<i>lạc quan</i>
5	Make predictions for/about st	<i>đưa ra các dự đoán về cái gì</i>
6	Tell the difference between st	<i>phân biệt sự khác nhau giữa cái gì</i>
7	Weed st/sb out = get rid of unwanted things or people from a group:	<i>loại bỏ</i>

III. PRACTICE EXERCISES

Exercise 1: Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

- Question 1:** A. different B. terrorist C. contrary D. domestic
- Question 2:** A. future B. burden C. device D. certain
- Question 3:** A. development B. security C. pessimistic D. particular
- Question 4:** A. threaten B. appear C. modern D. instance
- Question 5:** A. experience B. technology C. environment D. optimistic

Exercise 2: Mark the letter A, B, C, or D indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions.

- Question 6:** A. dweller B. overcrowded C. network D. waste
- Question 7:** A. commercial B. electricity C. advanced D. processing
- Question 8:** A. inhabitant B. geography C. radiation D. available
- Question 9:** A. upgrade B. presentation C. description D. psychology
- Question 10:** A. disposal B. optimistic C. population D. occupy

Exercise 3: Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Question 11:** In the near future, the government will instigate new measures to combat_____
- A. terrorist B. terrorism C. terrorize D. terror
- Question 12:** Many people think that in some more years we will see the complete of newspapers and magazines due to the Internet.
- A. disappear B. disappearance C. appear D. appearing
- Question 13:** A specific area of biotechnology that shows great promise for treatment and cure of life-_____diseases.
- A. developing B. threatening C. hoping D. fitting
- Question 14:** We sometimes go away from the city to the countryside for a_____of fresh air.
- A. feeling B. sip C. swallow D. breath
- Question 15:** The idea of building a_____with human intelligence is not only ambitious but also highly unconventional.
- A. robot B. corporation C. line D. road
- Question 16:** Washing machines, vacuum cleaners, and dish washers are labor_____devices which help US do housework easily and quickly.
- A. improving B. making C. saving D. employing
- Question 17:** The computer allows US to work fast and_____
- A. efficiently B. differently C. variously D. freshly
- Question 18:** It is predicted that_____computing technology will increase in value at_____same time it will decrease in cost.
- A. Ø/the B. a/the C. the/a D. a/Ø
- Question 19:** Bitcoin Investors are_____on the hope that as this high-tech money becomes more widely accepted, its value will soar.
- A. relying B. entrusting C. depending D. gambling
- Question 20:** Cancers and AIDS, which are_____now, will be cured successfully.
- A. treat B. untreatable C. treatment D. treatable
- Question 21:** There will be no places where people have to suffer the lack of food and_____

A. commodity B. accommodation C. shelters D. slums

Question 22: In the future, maybe all cars that run_____petrol will be replaced by solar cars.

A. on B. at C. out D. into

Question 23: With recent developments in solar car design and the measurement of photovoltaic cells becoming smaller, the dream of a truly efficient solar car is more_____than fantasy.

A. real B. realize C. realization D. reality

Question 24: Many teenagers show signs of anxiety and_____when being asked about their future.

A. depress B. depression C. depressing D. depressed

Question 25: Someone who is_____ishopeful about the future or the success of something in particular.

A. powerful B. optimistic C. stagnant D. pessimistic

Question 26: There will be powerful network of computers which may come from a single computing_____thatis worn on or in the body.

A. device B. machinery C. equipment D. vehicle

Question 27: An economic_____is a time when there is very little economic activity, which causes a lot of unemployment and poverty.

A. improvement B. depression C. development D. mission

Question 28: The more powerful weapons are, the more terrible the_____is.

A. capitalism B. futurism C. terrorism D. feminism

Question 29: The commercial future of the company looks very_____.

A. promising B. practical C. potential D. prospective

Question 30: Within_____few years,_____private space travel has gone from concept to reality.

A. Ø / an B. the / the C. the /a D. a / Ø

Question 31: In the future, the number of tiny but_____computers you encounter every day will number in the thousands, perhaps millions.

A. power B. powerful C. powerfully D. powered

Question 32: In the future,_____engineering will allow us to create the perfect human.

A. genetic B. gene C. energetic D. genus

Question 33: At a point in a future time, some may_____that computers must become about as smart as Newton or Einstein.

A. announce B. declare C. require D. claim

Question 34: More advanced computers will be able to be creative, respond to feelings in a feeling way, develop intuition, recognize patterns, and suggest_____alternatives.

A. innovate B. innovation C. innovative D. innovator

Question 35: We can select Internet information wisely, choose healthy computer games, limit our _____television commercials, and select television programs carefully.

A. limitation B. terrorism C. variety D. exposure

Question 36: Peter was asked to_____to a newspaper article making predictions for technological progress in 10 years.

A. expect B. invest C. develop D. contribute

Question 37: The_____of the future will no longer be remedial. It will be preventive.

A. communication B. education C. medicine D. technology

Question 38: Over the next 20 to 50 years, it will become harder to tell the_____between the human and the machine.

A. variety B. change C. difference D. appearance

Question 39: Local authorities should find ways to limit the use of private cars and encourage city_____to use public transport.

A. commuters B. planners C. dwellers D. people

Question 40: Homes and buildings will operate as living organisms, monitoring performance and_____to our needs in real time, saving US energy and money.

A. adapted B. to adapt C. adapting D. adapt

Exercise 4: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 41: In the future many large corporations will be wiped out and millions of jobs will be lost.

A. destroyed B. developed C. broadened D. opened

Question 42: No one can predict the future exactly. Things may happen unexpectedly.

A. spontaneously B. abruptly
C. unpredictably D. All are correct

Question 43: Telecommunication is bound to have a huge influence on various aspects of our lives.

A. depression B. technique C. expectation D. impact

Question 44: Scientists hope that this new drug will be a major breakthrough in the fight against AIDS.

A. new cure B. important therapy
C. sudden remedy D. dramatic development

Question 45: People who hold optimistic view believe that cities of the future will increase the general well-being of individuals and societies.

A. health state B. quality of life
C. level of development D. growth rate

Question 46: Vertical farming, genetically modified [GM] crops and synthetic meat will be responses to the growing need for greater food efficiency as populations continue to grow.

A. reactions B. defense C. appeal D. demand

Question 47: We are becoming more independent and less constrained by the old social norms.

A. reluctant B. forced C. hesitant D. uncomfortable

Question 48: Rather than humans working with machines, automation is likely to make some jobs redundant.

A. mechanization B. mechanism C. machinery D. machine

Question 49: Prevention will become the focus as we gain greater control of our health information, using self-monitoring biosensors and smart watches to continuously gather fitness data; web apps will crunch the data, syncing to electronic health records.

A. condensing B. concentration C. centralism D. assemble

Question 50: People will also change physically, along with mentally. For instance, there will be an increase in both height and longevity, among people in general.

A. lastingness B. durability C. life expectancy D. endurance

Exercise 5: Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 51: Miniature robots will be built to travel through your blood stream and repair damage.

A. tiny B. oversized C. great D. intensive

Question 52: My cousin tends to look on the bright side in any circumstance.

A. be optimistic B. be pessimistic C. be confident D. be smart

Question 53: Online dating and location-based services such as Vine, Snapchat and Grindr have **opened up** possibilities that allow people to look beyond their immediate friends, friends of friends, and co-workers.

- A. enlarged B. widened C. shrunk D. magnified

Question 54: Technology **underpins** everything we've looked at so far - food, health, relationships and work.

- A. give support B. make protest against
C. protect from D. get rid of

Question 55: Humans will inhabit **artificial** urban jungles filled with buildings and sidewalks, while the other animals will inhabit natural rural jungles filled with wilderness and trails.

- A. natural B. melodramatic C. genuine D. synthetic

Question 56: Humanity will progress to a point of collective **compatibility** as everyone sufficiently integrates and assimilates.

- A. congeniality B. congruity C. agreeableness D. disharmony

Question 57: Everyone will be genetically screened as an embryo to **weed out** defects and correct mistakes in their personal genome.

- A. remove B. eliminate C. amputate D. keep

Question 58: Imagine your friend at Glastonbury can post a photo on Instagram and with it comes bundled a faint twinkling of what she was feeling right there in that moment, so you too can share **emotionally** in her social experience.

- A. sentimentally B. mentally C. senselessly D. indifferently

Question 59: We are confident that the future is in our hands, and it is our responsibility to contribute to **bettering** our own lives.

- A. improving B. worsening C. threatening D. developing

Question 60: Domestic chores will no longer be a **burden** thanks to the inventions of labor-saving devices.

- A. pressure B. comfort C. convenience D. tackle

Exercise 6: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct word or phrase that best fits each of the numbered blanks from 61 to 65.

It is 2025. Your mobile is now much more than just a communication device - more like a remote control for your life. You still call it a "mobile" from habit, but it is an organiser, entertainment device, payment device and security centre, all developed and manufactured by engineers.

On a typical day it will start work even before you wake. Because it knows your travel schedule it can check for problems on the roads or with the trains and adjust the time it wakes you up accordingly, giving you the best route into work. It can control your home, re-programming the central heating if you need to get up earlier and providing remote alerts if the home security system is **triggered**. It is your payment system - just by placing the phone near a sensor on a barrier, like the Oyster card readers in use on London transport, you can pay for tickets for journeys or buy items in shops. With **its** understanding of location, the mobile can also provide directions, or even alert the user to friends or family in the vicinity. It is your entertainment centre when away from home. As well as holding all your music files, as some phones today are able to do, it will work with your home entertainment system while you sleep to find programmes that will interest you and download them as a podcast to watch on the train or in other spare moments. It will intelligently work out what to do with incoming phone calls and messages.

(Adapted from <https://www.independent.co.uk/student/magazines>)

Question 61: The best title for this passage could be_____.

- A. The future of mobile phones: A wonderful device to enjoy music
- B. The future of mobile phones: A useful device to check roads
- C. The future of mobile phones: A remote control for your life
- D. The future of mobile phones: A necessary device to control house

Question 62: Which statement about mobile phones is probably **FALSE** according to the passage?

- A. They might help people to check if there are any problems on the roads.
- B. They start work before people wake up.
- C. They can help to pay for journeys or purchase items in shops
- D. They can also provide directions, or even alert the user to friends or family although they are far from the user.

Question 63: The word "**its**" in paragraph 2 refers to_____?

- A. the transport B. the mobile C. the sensor D. the train

Question 64: In the 3rd paragraph, the writer suggests that_____

- A. the mobile stops downloading your favorite program when you are sleeping
- B. the mobile can solve intelligently with message and incoming phone calls.
- C. the mobile can know the time when you will sleep to download music
- D. the mobile only can hold your favorite music.

Question 65: The word "**triggered**" in paragraph 3 means_____

- A. changed B. continued C. stopped D. activated

Exercise 7: Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions from 66 to 73.

If you could travel back in time five centuries, you'd encounter a thriving Aztec empire in Central Mexico, a freshly painted "Mona Lisa" in Renaissance Europe and cooler temperatures across the Northern Hemisphere. This was a world in the midst of the Little Ice Age (A.D. 1300 to 1850) and a period of vast European exploration now known as the Age of Discovery. But what if we could look 500 years into the future and glimpse the Earth of the 26th century? Would the world seem as different to us as the 21st century would have seemed to residents of the 16th century? For starters, what will the weather be like?

Depending on whom you ask, the 26th century will either be a little chilly or **infernally** hot. Some solar output models suggest that by the 2500s, Earth's climate will have cooled back down to near Little Ice Age conditions. Other studies predict that ongoing climate change and fossil fuel use will render much of the planet too hot for human life by 2300.

Some experts date the beginning of human climate change back to the Industrial Revolution in the 1800s, others to slash-and-burn agricultural practices in prehistoric times. Either way, tool-wielding humans alter their environment - and our 26th century tools might be quite impressive indeed.

Theoretical physicist and futurist Michio Kaku predicts that in a mere 100 years, humanity will make the leap from a type zero civilization to a type I civilization on the Kardashev Scale. In other words, we'll become a species that can **harness** the entire sum of a planet's energy. Wielding such power, 26th-century humans will be masters of clean energy technologies such as fusion and solar power. Furthermore, **they'll** be able to manipulate planetary energy in order to control global climate. Physicist Freeman Dyson, on the other hand, estimates the leap to a type 1 civilization would occur within roughly 200 years.

Technology has improved exponentially since the 1500s, and this pace will likely continue in the centuries to come. Physicist Stephen Hawking proposes that by the year 2600, this growth would see 10 new theoretical physics papers published every 10 seconds. If Moore's Law holds true and both computer speed and complexity double every 18 months, then some of these studies may be the work of highly intelligent machines.

What other technologies will shape the world of the 26th century? Futurist and author Adrian Berry believes the average human life span will reach 140 years and that the digital storage of human personalities will enable a kind of computerized immortality. Humans will farm the oceans, travel in starships and reside in both lunar and Martian colonies while robots explore the outer cosmos.

(Source: <https://science.howstuffworks.com/>)

Question 66: Which of the following could be the main idea of the passage?

- A. How would the world change in the next 500 years?
- B. What would we do in the next five centuries?
- C. What problems would happen in the 26th century?
- D. How would technology improve the life in the far future?

Question 67: The word "**infernally**" in paragraph 2 is closest in meaning to _____

- A. differently
- B. extremely
- C. permanently
- D. contemporaneously

Question 68: According to the passage, what do experts predict about the weather in the future?

- A. The temperature will decline as much as possible because of the excessive fossil fuel use.
- B. The Little Ice Age will return due to the influence of solar energy.
- C. The Earth will have to face with extreme weather like frost or scorching period.
- D. The climate change will happen more quickly because of deforestation.

Question 69: The word "**harness**" in paragraph 4 could best be replaced by

- A. renew
- B. adjust
- C. exploit
- D. discover

Question 70: What does the word "**they**" in paragraph 4 refer to?

- A. fusion and solar energy
- B. clean energy technologies
- C. masters
- D. 26th - century humans

Question 71: Which of the following is **TRUE** about the future predictions?

- A. Michio Kaku believes that the progress from type 0 to type I civilization will take about two centuries.
- B. People in the 2500s are likely to control the energy of the Earth to limit the global climate.
- C. The speed of technology improvement will remain changeable in the far future.
- D. Solar energy will be the main power for the 26th-century citizens.

Question 72: According to Adrian Berry the following are what future humans can do, **EXCEPT** _____

- A. cultivating in the oceans
- B. traveling between the stars
- C. exploring the universe by robots
- D. living as long as they want

Question 73: It can be inferred from the passage that _____

- A. no one could be sure what the life would be like in the 2500s.
- B. what we imagine about the life in the 26th century may be the same what the 16th- century people thought about the current life.
- C. the predictions of different scientists may draw the same world in the next 500 years.
- D. technology will affect most of the fields in the future life.

KEYS

STT	Đáp án	Giải thích chi tiết đáp án
1	D	A. different /'dɪfrənt/ (a): khác (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) B. terrorist /'terərɪst/ (n): kẻ khủng bố (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc nếu tất cả các âm mà ngắn hết thì trọng âm rơi vào âm tiết đầu.) C. contrary /'kɒntrəri/ (n): điều ngược lại (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc đuôi -y làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) D. domestic /də'mestɪk/ (a): (thuộc về) trong một nước, trong nhà (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ic làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) → Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
2	C	A. future /'fju:tʃər/ (n): tương lai (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) B. burden /'bɜ:dn/ (n): gánh nặng (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) C. device /dɪ'vaɪs/ (n): thiết bị (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm ưu tiên rơi vào nguyên âm đôi /aɪ/.) D. certain /'sɜ:tn/ (a): chắc chắn (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) → Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.
3	C	A. development /dɪ'veləpmənt/ (n): sự phát triển (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc hậu tố -ment không ảnh hưởng đến trọng âm của từ, quy tắc động từ ba âm tiết trọng âm thường không rơi vào âm đầu và trọng âm không rơi vào âm /ə/.) B. security /sɪ'kjʊərəti/ (n): an ninh (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -y làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) C. pessimistic /,pesɪ'mɪstɪk/ (a): bi quan (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc đuôi -ic làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) D. particular /pə'rɪkjələr/ (a): đặc biệt (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) → Đáp án C có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.
4	B	A. threaten /'θretn/ (v): đe dọa (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.) B. appear /ə'pɪər/ (v): xuất hiện (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/.)

		C. modern /'mɒdn/ (a): hiện đại (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/ D. instance /'ɪnstəns/ (n): ví dụ (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Vì theo quy tắc trọng âm không rơi vào âm /ə/ → Đáp án B có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất.	
5	D	A. experience /ɪk'spiəriəns/ (n): kinh nghiệm (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -ce làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) B. technology /tek'nɒlədʒi/ (n): công nghệ, kỹ thuật (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc đuôi -y làm trọng âm dịch chuyển ba âm tính từ cuối lên.) C. environment /ɪn'vaɪrənmənt/ (n): môi trường (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai. Vì theo quy tắc hậu tố -ment không ảnh hưởng đến trọng âm của từ và trọng âm ưu tiên rơi vào nguyên âm đôi /aɪ/.) D. optimistic /,ɒptɪ'mɪstɪk/ (a): lạc quan (từ này có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba. Vì theo quy tắc đuôi -ic làm trọng âm rơi vào trước âm đó.) → Đáp án D có trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba, các phương án còn lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai.	
PHÁT ÂM			
6	B	A. dweller /'dwelər/ B. overcrowded /,əʊvə'kraʊdɪd/	C. network /'netwɜ:k/ D. waste /weɪst/
7	A	A. commercial /kə'mɜ:ʃəl/ B. electricity /ɪ,lek'trɪsəti/	C. advanced /əd'vɑ:nst/ D. processing /'prəʊsesɪŋ/
8	C	A. inhabitant /ɪn'hæbɪtənt/ B. geography /dʒɪ'ɒgrəfi/	C. radiation /,reɪdɪ'eɪʃn/ D. available /ə'veɪləbl/
9	D	A. upgrade /'ʌpgreɪd/ B. presentation /,prezn'teɪʃn/	C. description /dɪ'skrɪpʃn/ D. psychology /saɪ'kɒlədʒi/
10	A	A. disposal /dɪ'spəʊzl/ B. optimistic /,ɒptɪ'mɪstɪk/	C. population /,pɒpjə'leɪʃn/ D. occupy /'ɒkjupaɪ/
TỪ VỰNG			
11	B	A. terrorist /'terərɪst/ (n): kẻ khủng bố B. terrorism /'terərɪzəm/ (n): sự khủng bố, chính sách khủng bố C. terrorize /'terəraɪz/ (v): làm cho khiếp sợ, khủng bố D. terror /'terər/ (n): sự kinh hoàng, khiếp sợ, khủng bố Tạm dịch: Trong tương lai gần, Chính phủ sẽ thúc đẩy các biện pháp mới để chống khủng bố.	
12	B	A. disappear /,dɪsə'piər/ (v): biến đi, biến mất B. disappearance /,dɪsə'piərəns/ (n): sự biến mất C. appear /ə'piər/ (v): xuất hiện Căn cứ vào tính từ “complete” nên vị trí trống cần một danh từ. Do đó ta chọn đáp án B. Tạm dịch: Nhiều người nghĩ rằng trong một vài năm nữa chúng ta sẽ thấy sự	

		<i>biến mất hoàn toàn của báo và tạp chí do có Internet.</i>
13	B	A. developing /di'veləpɪŋ/ (a): <i>phát triển</i> B. Threatening /'θreɪnɪŋ/ (a): <i>đe dọa, hăm dọa</i> C. hope /həʊp/ (v): <i>hy vọng</i> D. fitting /'fɪtɪŋ/ (a): <i>thích hợp, phù hợp</i> Tạm dịch: Một lĩnh vực cụ thể của công nghệ sinh học cho thấy nhiều hứa hẹn trong việc điều trị và chữa các bệnh đe dọa đến tính mạng.
14	D	A. feeling /'fi:lɪŋ/ (n): <i>cảm xúc, cảm nghĩ, ý kiến</i> B. sip /sɪp/ (n/v): <i>nhấm nháp, uống từng ngụm</i> C. swallow /'swɒləʊ/ (n/v): <i>nuốt</i> D. breath /breθ/ (n): <i>thở, hơi thở</i> A breath of fresh air: <i>hít thở không khí trong lành</i> Tạm dịch: Chúng tôi thỉnh thoảng rời thành phố về nông thôn để hít thở không khí trong lành.
15	A	A. robot /'rɒbɒt/ (n): <i>robot, người máy</i> B. corporation /,kɔ:pə'reɪʃn/ (n): <i>tập đoàn</i> C. line /laɪn/ (n): <i>đường kẻ</i> D. road /rəʊd/ (n): <i>con đường</i> Tạm dịch: Ý tưởng xây dựng một con robot có trí thông minh của con người không chỉ tham vọng mà còn rất độc đáo.
16	C	A. improving /ɪm'pru:vɪŋ/ <i>cải thiện, trau dồi, mở mang</i> B. making /'meɪkɪŋ/: <i>làm</i> C. saving /'seɪvɪŋ/: <i>cứu nguy, tiết kiệm</i> D. employing /ɪm'plɔɪɪŋ/: <i>thuê mướn</i> Cụm từ: labor saving: <i>tiết kiệm nhân công, sức lao động</i> Tạm dịch: Máy giặt, máy hút bụi và máy rửa chén là những thiết bị tiết kiệm sức lao động giúp chúng ta làm việc nhà dễ dàng và nhanh chóng.
17	A	A. efficiently /ɪ'fɪʃntli/ (adv): <i>hiệu quả</i> B. differently /'dɪfrəntli/ (adv): <i>khác biệt</i> C. variously /'veəriəsli/ (adv): <i>khác nhau theo từng trường hợp</i> D. freshly /'frefli/ (adv): <i>tươi mới</i> Tạm dịch: Máy tính cho phép chúng ta làm việc nhanh chóng và hiệu quả.
18	A	Ta có: "computing technology" - <i>công nghệ điện toán</i> là danh từ chung nên ta không sử dụng mạo từ. Cụm từ: at the same time: <i>đồng thời</i> Tạm dịch: Người ta dự đoán rằng công nghệ điện toán sẽ tăng giá trị đồng thời nó sẽ giảm chi phí.
19	D	A. relying /rɪ'laɪɪŋ/: <i>tin cậy, dựa vào, nhờ vào</i> B. entrusting /ɪn'trʌstɪŋ/: <i>giao phó trách nhiệm</i> C. depending /dɪ'pendɪŋ/: <i>phụ thuộc</i> D. gambling /'gæmblɪŋ/: <i>cá độ, đánh bạc</i> Cấu trúc: gamble on st: <i>mạo hiểm may rủi</i>

		Tạm dịch: Các nhà đầu tư Bitcoin đang mạo hiểm với hy vọng rằng khi tiền công nghệ cao này trở nên được chấp nhận rộng rãi hơn, giá trị của nó sẽ tăng vọt.
20	B	A. treat /tri:t/ (v): đối xử, điều trị, bàn về B. untreatable /ʌn'tri:təbəl/ (a): không thể chữa được C. treatment /'tri:tmənt/ (n): sự đối xử, điều trị D. treatable /'tri:təbəl/ (a): có thể thương lượng, điều trị Tạm dịch: Ung thư và AIDS, hiện không thể điều trị được, sẽ được chữa khỏi thành công.
21	B	A. commodity /kə'mɒdəti/ (n): hàng hóa, tiện nghi B. accommodation /ə,kɒmə'deɪʃn/ (n): chỗ ở C. shelters /'feltər/ (n): chỗ ẩn náu, nương tựa D. slums /slʌm/ (n): khu nhà ổ chuột Tạm dịch: Sẽ không có nơi nào mà mọi người phải chịu đựng sự thiếu thốn lương thực và chỗ ở.
22	A	Cấu trúc: run on something: chạy bằng gì Tạm dịch: Trong tương lai, có thể tất cả những chiếc xe chạy bằng xăng sẽ được thay thế bằng xe năng lượng mặt trời.
23	D	A. real 'ri:əl/ (a): thực tế B. realize /'ri:əlaɪz/ (v): nhận thấy, hiểu rõ C. realization /,ri:əlaɪ'zeɪʃn/ (n): sự thực hiện, hiểu rõ D. reality /ri'æləti/ (n): sự thật, thực tế Tạm dịch: Với những phát triển gần đây trong thiết kế xe năng lượng mặt trời và kích thước các tế bào quang điện trở nên nhỏ hơn, giấc mơ về một chiếc xe năng lượng mặt trời thực sự hiệu quả ngày càng thực tế hơn là tưởng tượng.
24	B	A. depress /dɪ'pres/ (v): làm buồn, chán nản, suy nhược B. depression /dɪ'preʃən/ (n): sự buồn chán, phiền muộn, suy nhược C. depressing /dɪ'presɪŋ/ (a): làm chán nản, thất vọng, buồn rầu D. depressed /dɪ'prest/ (a): buồn, thất vọng Cấu trúc: Liên từ "and" ở giữa thì hai vế phải giống nhau về từ loại/cấu trúc. Căn cứ vào danh từ "anxiety" nên vị trí trống cần một danh từ. Tạm dịch: Nhiều thanh thiếu niên có dấu hiệu lo lắng và phiền muộn khi được hỏi về tương lai của họ.
25	B	A. powerful /'paʊəfəl/ (a): hùng mạnh, có quyền lực lớn B. optimistic /,ɒptɪ'mɪstɪk/ (a): lạc quan C. stagnant /'stæɡnənt/ (a): trì trệ, uể oải, mù mẫm D. pessimistic /,pesɪ'mɪstɪk/ (a): bi quan Tạm dịch: Một người lạc quan thường hy vọng về tương lai hoặc sự thành công của một cái gì đó đặc biệt.
26	A	A. device /dɪ'vaɪs/ (n): thiết bị, dụng cụ, máy móc B. machinery /mə'ʃɪ:nəri/ (n): máy móc, bộ máy

		C. equipment /'kwɪpmənt/ (n): <i>đồ trang bị, thiết bị</i> D. vehicle /'vɪəkəl/ (n): <i>xe cộ</i> Tạm dịch: Sẽ có một mạng lưới máy tính rộng khắp có thể đến từ một thiết bị điện toán duy nhất được đeo trên hoặc trong cơ thể.
27	B	A. improvement /ɪm'pru:vmənt/ (n): <i>sự trau dồi, cải thiện</i> B. depression /dɪ'presn/ (n): <i>sự đình trệ, suy thoái</i> C. development /dɪ'veləpmənt/ (n): <i>sự phát triển</i> D. mission /'mɪʃn/ (n): <i>sứ mệnh, nhiệm vụ</i> Cụm từ: economic depression: <i>suy thoái/khủng hoảng kinh tế</i> Tạm dịch: Suy thoái kinh tế là thời điểm có rất ít hoạt động kinh tế, gây ra nhiều sự thất nghiệp và nghèo đói.
28	C	A. capitalism /'kæpɪtəlɪzəm/ (n): <i>chủ nghĩa tư bản</i> B. futurism /'fju:tʃərɪzəm/ (n): <i>chủ nghĩa vị lai</i> C. terrorism /'terərɪzəm/ (n): <i>khủng bố</i> D. feminism /'femənɪzəm/ (n): <i>chủ nghĩa nữ quyền</i> Tạm dịch: Vũ khí càng mạnh thì sự khủng bố ngày càng khủng khiếp hơn.
29	A	A. promising /'prɒmɪsɪŋ/ (a): <i>đầy hứa hẹn, nhiều triển vọng</i> B. practical /'præktɪkl/ (a): <i>thực hành, thiết thực, thực tế</i> C. potential /pə'tenʃl/ (a): <i>tiềm năng</i> D. prospective /prə'spektɪv/ (a): <i>(thuộc) tương lai, về sau, sắp tới</i> Tạm dịch: Tương lai kinh doanh của công ty có vẻ đầy hứa hẹn.
30	D	Ta có: a few years: <i>một vài năm</i> Tạm dịch: Trong một vài năm, du lịch không gian riêng đã đi từ ý tưởng cho đến thực tế.
31	B	A. power /'paʊə/ (n): <i>khả năng, quyền lực</i> B. powerful /'paʊəfəl/ (a): <i>hùng mạnh, có quyền lực lớn</i> C. powerfully /'paʊəfəli/ (adv): <i>hùng mạnh, có quyền lực lớn</i> D. powered /'paʊəd/ (a): <i>có sức thuyết phục mạnh mẽ</i> Căn cứ vào danh từ "computers" nên vị trí trống cần một tính từ. Căn cứ vào nghĩa của câu, đáp án là B. Tạm dịch: Trong tương lai, số lượng máy tính nhỏ nhưng hùng mạnh mà bạn gặp hàng ngày sẽ lên tới hàng nghìn, có lẽ hàng triệu.
32	A	A. genetic /dʒə'netɪk/ (a): <i>(thuộc) gen, di truyền</i> B. gene /dʒi:n/ (n): <i>gen</i> C. energetic /ˌenə'dʒetɪk/ (a): <i>mạnh mẽ, đầy nghị lực</i> D. genus /'dʒi:nəs/ (n): <i>chi, giống</i> Tạm dịch: Trong tương lai, kỹ thuật di truyền sẽ cho phép chúng ta tạo ra con người hoàn hảo.
33	C	A. announce /ə'naʊns/ (v): <i>thông báo</i> B. declare /dɪ'kleɪ/ (v): <i>tuyên bố</i> C. require /rɪ'kwaɪə/ (v): <i>yêu cầu</i> D. claim /kleɪm/ (v): <i>đòi, yêu sách, thỉnh cầu</i>

		Tạm dịch: Tại một thời điểm trong tương lai, một số người có thể yêu cầu máy tính phải trở nên thông minh như Newton hoặc Einstein.
34	C	A. innovate /'mæveɪt/ (v): đổi mới, cách tân B. innovation /,ɪnə'veɪʃn/ (n): sự đổi mới, cách tân C. innovative /'mæveɪtɪv/ (a): có tính đổi mới D. innovator /'mæveɪtər/ (n): người đổi mới, nhà cải cách Căn cứ vào danh từ "alternatives" nên vị trí trống cần một tính từ. Do đó, ta chọn đáp án c. Tạm dịch: Các máy tính tiên tiến hơn sẽ có thể sáng tạo, đáp ứng cảm xúc theo cách cảm nhận, phát triển trực giác, nhận ra các mẫu và đề xuất các lựa chọn thay thế sáng tạo.
35	D	A. limitation /,lɪmɪ'teɪʃn/ (n): sự hạn chế, sự giới hạn B. terrorism /'terərɪzəm/ (n): khủng bố C. variety /və'reɪəti/ (n): sự đa dạng D. exposure /ɪk'spoʊʒər/ (n): sự quảng cáo, phơi bày, sự tiếp xúc Tạm dịch: Chúng ta có thể chọn thông tin Internet một cách khôn ngoan, chọn các trò chơi máy tính lành mạnh, hạn chế tiếp xúc với quảng cáo trên truyền hình và chọn các chương trình truyền hình một cách cẩn thận.
36	D	A. expect /ɪk'spekt/ (v): mong đợi B. invest /ɪn'vest/ (v): đầu tư C. develop /dɪ'veləp/ (v): phát triển D. contribute /kən'trɪbjʊ:t/ (v): đóng góp Cấu trúc: contribute (st) to st: đóng góp cái gì vào cái gì Tạm dịch: Peter được yêu cầu đóng góp cho một bài báo đưa ra dự đoán cho sự phát triển của công nghệ trong 10 năm.
37	C	A. communication /kə'mju:nɪ'keɪʃn/ (n): sự truyền đạt, liên lạc B. education /,edʒu'keɪʃn/ (n): sự giáo dục, nền giáo dục C. medicine /'medsn/ (n): thuốc, y học D. technology /tek'nɒlədʒi/ (n): kỹ thuật, công nghệ Tạm dịch: Thuốc của tương lai sẽ không còn để điều trị. Nó sẽ được dùng để phòng ngừa.
38	C	A. variety /və'reɪəti/ (n): sự đa dạng B. change /tʃeɪndʒ/ (n): sự thay đổi C. difference /'dɪfrəns/ (n): sự khác biệt D. appearance /ə'piərəns/ (n): sự xuất hiện Cấu trúc: tell the difference between st and st: phân biệt cái gì với cái gì Tạm dịch: Trong 20 đến 50 năm tới, việc phân biệt sự khác nhau giữa con người và máy móc sẽ trở nên khó khăn hơn.
39	C	A. commuters /kə'mju:tər/ (n): người đi làm bằng vé tháng B. planners /'plænər/ (n): người lập kế hoạch C. dwellers /'dwelər/ (n): người ở thành phố D. people /'pi:pl/ (n): con người

		Tạm dịch: Chính quyền địa phương nên tìm cách hạn chế sử dụng ô tô cá nhân và khuyến khích người dân thành phố sử dụng phương tiện giao thông công cộng.
40	C	Tạm dịch: Các ngôi nhà và tòa nhà sẽ hoạt động như những sinh vật sống, theo dõi hiệu suất và thích ứng với nhu cầu của chúng ta trong thời gian thực, giúp chúng ta tiết kiệm năng lượng và tiền bạc.
ĐỒNG NGHĨA		
41	A	Tạm dịch: Trong tương lai, nhiều tập đoàn lớn sẽ bị xóa sổ và hàng triệu việc làm sẽ bị mất. → wipe out: xóa sổ Xét các đáp án: A. destroy /di'strɔɪ/ (v): phá hủy B. develop /di'veləp/ (v): phát triển C. broaden /'brɔ:dn/ (v): mở rộng D. open /'əspən/ (v): mở
42	D	Tạm dịch: Không ai có thể dự đoán chính xác được tương lai. Mọi thứ có thể xảy ra bất ngờ. → unexpectedly /,ʌnik'spektɪdli/ (adv): bất ngờ, không đoán trước được Xét các đáp án: A. spontaneously /spɒn'teɪniəsli/ (adv): tự phát, tự nhiên B. abruptly /ə'brʌptli/ (adv): đột nhiên, bất ngờ C. unpredictably /,ʌnpri'dɪktəbli/ (adv): không thể dự đoán trước được D. Tất cả đáp án đều đúng
43	D	Tạm dịch: Viễn thông chắc chắn có một ảnh hưởng rất lớn đến các khía cạnh khác nhau trong cuộc sống của chúng ta. → influence /'ɪnfluəns/ (n): tác động, ảnh hưởng Xét các đáp án: A. depression /di'preʃn/ (n): sự thất vọng, trầm cảm B. technique /tek'ni:k/ (n): kỹ thuật C. expectation /,ekspek'teɪʃn/ (n): sự mong chờ, sự kì vọng D. impact /'ɪmpækt/ (n): tác động
44	D	Tạm dịch: Các nhà khoa học hy vọng rằng loại thuốc mới này sẽ là một bước đột phá lớn trong cuộc chiến chống lại bệnh AIDS. → breakthrough /'breɪkθru:/ (n): bước đột phá lớn Xét các đáp án: A. new cure: phương pháp chữa trị mới B. important therapy: liệu pháp quan trọng C. sudden remedy: phương thuốc ngẫu nhiên D. dramatic development: sự phát triển đáng kể
45	B	Tạm dịch: Những người có quan điểm lạc quan tin rằng các thành phố của tương lai sẽ làm tăng phúc lợi chung của các cá nhân và xã hội.

		→ well-being /wel'bi:ɪŋ/ (n): <i>phúc lợi xã hội</i> Xét các đáp án: A. health State: <i>tình trạng khỏe mạnh</i> B. quality of life: <i>chất lượng cuộc sống</i> C. level of development: <i>mức độ phát triển</i> D. growth rate: <i>tỷ lệ gia tăng</i>
46	A	Tạm dịch: Canh tác nhiều tầng, cây trồng biến đổi gen (GM) và thịt tổng hợp sẽ đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về hiệu quả lương thực khi dân số tiếp tục tăng. → response /rɪ'spɒns/ (n): <i>sự đáp lại, trả lời</i> Xét các đáp án: A. reaction /ri'ækʃn/ (n): <i>phản ứng</i> B. defense /dɪ'fens/ (n): <i>sự chống đối</i> C. appeal /ə'pi:l/ (n): <i>yêu cầu</i> D. demand /dɪ'ma:nd/ (n): <i>yêu cầu</i>
47	B	Tạm dịch: Chúng ta đang trở nên độc lập hơn và ít bị ràng buộc hơn bởi các chuẩn mực xã hội cũ. → constrained /kən'streɪnd/ (a): <i>miễn cưỡng, ràng buộc</i> Xét các đáp án: A. reluctant /rɪ'lʌktənt/ (a): <i>không tự nguyện</i> B. forced /fɔ:st/ (a): <i>bắt ép, ép buộc</i> C. hesitant /'hezɪtənt/ (a): <i>do dự, ngập ngừng</i> D. uncomfortable /ʌn'kʌmfəbl/ (a): <i>không thoải mái</i>
48	A	Tạm dịch: Thay vì việc con người làm việc với máy móc, sự tự động hóa có khả năng tạo ra một số việc làm dư thừa. → automation /ˌɔ:tə'meɪʃn/ (n): <i>sự tự động hóa</i> Xét các đáp án: A. mechanization /ˌmekənaɪ'zeɪʃn/ (n): <i>sự cơ khí hóa</i> B. mechanism /'mekənɪzəm/ (n): <i>máy móc, kỹ thuật</i> C. machinery /mə'ʃi:nəri/ (n): <i>cơ cấu, bộ máy, thể chế</i> D. machine /mə'ʃi:n/ (n): <i>máy móc</i>
49	B	Tạm dịch: Phòng ngừa sẽ trở thành trọng tâm khi chúng ta kiểm soát tốt hơn thông tin sức khỏe của mình, sử dụng cảm biến sinh học tự giám sát và đồng hồ thông minh để liên tục thu thập các dữ liệu của cơ thể; các ứng dụng web sẽ xử lý dữ liệu, đồng bộ hóa với hồ sơ sức khỏe điện tử. → focus /'fəʊkəs/ (n): <i>trọng tâm</i> Xét các đáp án: A. condensing /kən'dens/ (n): <i>sự giảm</i> B. concentration /ˌkɒnsn'treɪʃn/ (n): <i>sự tập trung</i> C. centralism /'sentrəlɪzəm/ (n): <i>chế độ tập trung</i> D. assemble /ə'sembl/ (v): <i>thu thập, tập hợp</i>
50	C	Tạm dịch: Mọi người cũng sẽ có những sự thay đổi về thể chất, cùng với tinh

		thần. Ví dụ, sẽ có sự gia tăng cả về chiều cao và tuổi thọ, giữa con người nói chung. → longevity /lɒn'dʒevəti/ (n): tuổi thọ Xét các đáp án: A. lastingness /'lɑːstɪŋnəs/ (n): sự kéo dài B. durability /ˌdʒʊərə'bɪləti/ (n): sự bền bỉ C. life expectancy: tuổi thọ D. endurance /ɪn'dʒʊərəns/ (n): khả năng chịu đựng
TRÁI NGHĨA		
51	B	Tạm dịch: Những loại Robot tí hon sẽ được chế tạo để đi theo mạch máu của bạn và sửa chữa hư hại trong cơ thể. → miniature /'mɪnɪətʃər/ (a): tí hon, rất nhỏ Xét các đáp án: A. tiny /'taɪni/ (a): cực kì nhỏ B. oversized /'ɒsvəsaɪzd/ (a): to lớn C. great /greɪt/ (a): tuyệt vời D. intensive /ɪn'tensɪv/ (a): tập trung, sâu sắc
52	B	Tạm dịch: Anh em họ của tôi luôn có xu hướng lạc quan dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào. → look on the bright side: cảm thấy tích cực Xét các đáp án: A. be optimistic: cảm thấy lạc quan B. be pessimistic: cảm thấy bi quan C. be confident: cảm thấy tự tin D. be smart: cảm thấy thông minh
53	C	Tạm dịch: Hẹn hò trực tuyến và các dịch vụ dựa trên địa điểm như Vine, Snapchat và Grindr đã mở ra những khả năng cho phép mọi người nhìn tìm kiếm rộng hơn trong phạm vi bạn bè trực tiếp, bạn của bạn bè và đồng nghiệp. → opened up: mở ra Xét các đáp án: A. enlarged /ɪn'laːdʒd/ (V-ed): khuếch trương, phóng to B. widened /'waɪdənd/ (V-ed): làm rộng C. shrunk /ʃrʌŋk/ (V-p2): co lại D. magnified /'mæɡnɪfaɪ/ (V-ed): mở rộng, phóng đại
54	D	Tạm dịch: Công nghệ hỗ trợ mọi thứ mà chúng ta đã xem xét cho đến nay - thực phẩm, sức khỏe, các mối quan hệ và công việc. → underpin /ˌʌndə'pɪn/ (v): củng cố, chống đỡ Xét các đáp án: A. give support: ủng hộ B. make protest against: chống lại C. protect from: bảo vệ khỏi

		D. get rid of: <i>loại bỏ</i>
55	A	Tạm dịch: Con người sẽ sống trong các khu rừng đô thị nhân tạo đầy các tòa nhà và lối đi bộ, trong khi các loài động vật khác sẽ sống trong các khu rừng rậm tự nhiên chứa đầy sự hoang dã và những con đường mòn. → artificial /aɪtʃɪˈfɪəl/ (a): nhân tạo Xét các đáp án: A. natural /ˈnætʃrəl/ (a): tự nhiên B. melodramatic /meləˈdrəːmætɪk/ (a): cường điệu C. genuine /ˈdʒenjuɪn/ (a): xác thực, thật D. synthetic /sɪnˈθetɪk/ (a): tổng hợp, nhân tạo
56	D	Tạm dịch: Nhân loại sẽ phát triển đến một giai đoạn chung sống hòa hợp khi mọi người hợp nhất lại và đồng hóa. → compatibility /kəmˌpætəˈbɪləti/ (n): sự hòa hợp Xét các đáp án: A. congeniality /kənˈdʒiːniːələti/ (n): sự hợp nhau, sự ăn ý B. congruity /kənˈɡruːəti/ (n): sự thích hợp C. agreeableness /əˈɡriːəblənəs/ (n): tính dễ chịu D. disharmony /dɪsˈhɑːməni/ (n): sự không hòa hợp
57	D	Tạm dịch: Mọi người sẽ được sàng lọc di truyền khi là một phôi thai để loại bỏ các khiếm khuyết và sửa chữa sai sót trong bộ gen cá nhân của họ. → weed out: <i>loại bỏ</i> Xét các đáp án: A. remove /rɪˈmuːv/ (v): bỏ B. eliminate /ɪˈlɪmɪneɪt/ (v): loại bỏ C. amputate /ˈæmpjuteɪt/ (v): cắt bỏ D. keep /kiːp/ (v): giữ
58	D	Tạm dịch: Hãy tưởng tượng bạn của bạn tại Glastonbury có thể đăng một bức ảnh lên Instagram và kèm theo đó là một cái nháy mắt nhẹ về những gì cô ấy đang cảm thấy ngay lúc đó, vì vậy bạn cũng có thể chia sẻ cảm xúc trong trải nghiệm xã hội của cô ấy. → emotionally /ɪˈməʊʃənəli/ (adv): liên quan đến cảm xúc Xét các đáp án: A. sentimentally /sentɪˈmentəli/ (adv): (thuộc) tình cảm, đa cảm B. mentally /ˈmentəli/ (adv): về mặt tinh thần C. senselessly /ˈsensləsli/ (adv): vô nghĩa D. indifferently /ɪnˈdɪfrəntli/ (adv): thờ ơ, hờ hững
59	B	Tạm dịch: Chúng ta tự tin rằng tương lai nằm trong tay chúng ta và trách nhiệm của chúng ta là góp phần cải thiện cuộc sống của chính mình. → better (v): làm tốt hơn, cải thiện Xét các đáp án: A. improve /ɪmˈpruːv/ (v): cải thiện B. worsen /ˈwɜːsn/ (v): làm tệ đi

		<i>người dùng cho bạn bè hoặc gia đình trong vùng lân cận.)</i>
64	B	Trong đoạn 3, tác giả gợi ý rằng_____ A. Điện thoại dùng tải các chương trình yêu thích khi bạn ngủ B. Điện thoại có thể xử lý các tin nhắn và cuộc gọi đến một cách thông minh C. Điện thoại có thể biết được thời gian bạn ngủ để tải nhạc D. Điện thoại chỉ có thể lưu trữ nhạc yêu thích của bạn Căn cứ vào thông tin đoạn 3: It will intelligently work out what to do with incoming phone calls and messages. (<i>Nó sẽ giải quyết một cách thông minh những việc cần làm với các cuộc gọi và tin nhắn đến.</i>)
65	D	Từ “triggered” trong đoạn 2 có nghĩa là_____ A. changed (v): thay đổi B. continued (v) tiếp tục C. stopped (v): dừng lại D. activate (v): kích hoạt Triggered = activate Căn cứ vào thông tin đoạn 2: It can control your home, re-programming the central heating if you need to get up earlier and providing remote alerts if the home security system is triggered. (<i>Nó có thể điều khiển nhà của bạn, lập trình lại hệ thống sưởi trung tâm nếu bạn cần dậy sớm hơn và cung cấp các cảnh báo từ xa nếu hệ thống an ninh gia đình được kích hoạt.</i>)
ĐỌC HIỂU 2		
66	A	Câu nào trong các câu sau có thể là ý chính của đoạn văn? A. Thế giới sẽ thay đổi như thế nào trong 500 năm tới? B. Chúng ta sẽ làm gì trong 5 thế kỉ tới? C. Những vấn đề nào sẽ xảy ra trong thế kỉ 26? D. Công nghệ sẽ cải thiện cuộc sống trong tương lai xa như thế nào? Căn cứ thông tin đoạn 1: But what if we could look 500 years into the future and glimpse the Earth of the 26th century? Would the world seem as different to us as the 21st century would have seemed to residents of the 16th century? (<i>Nhưng liệu chúng ta có thể nhìn thấy được những gì trong 500 năm nữa và nhìn thoáng qua Trái Đất của thế kỉ 26? Liệu thế giới đó có khác với chúng ta như thế kỉ 21 khác với người dân thế kỉ thứ 16?</i>) Các đoạn còn lại của đoạn văn cũng nói về cuộc sống trong thế kỉ 26, nên đây sẽ là nội dung chính của đoạn văn.
67	B	Từ "infernally" trong đoạn 2 gần nghĩa nhất với từ nào? A. khác B. cực kì C. lâu dài D. cùng thời Từ đồng nghĩa: infernally (<i>cực kì</i>) = extremely Depending on whom you ask, the 26th century will either be a little chilly or infernally hot. (<i>Tùy thuộc vào người bạn hỏi là ai, thế kỉ 26 hoặc là sẽ có chút giá lạnh, hoặc sẽ cực kì nóng.</i>)
68	C	Theo đoạn văn, các chuyên gia dự đoán về thời tiết trong tương lai như thế nào?

		A. Nhiệt độ sẽ giảm nhiều nhất có thể do sử dụng nhiên liệu hoá thạch quá mức. B. Thời đại Kỷ Băng Hà nhỏ sẽ quay trở lại vì ảnh hưởng của năng lượng mặt trời. C. Trái Đất sẽ phải đối mặt với thời tiết cực đoan như băng giá hay giai đoạn nóng như thiêu đốt. D. Sự biến đổi khí hậu sẽ xảy ra nhanh hơn bởi vì nạn chặt phá rừng. Căn cứ vào thông tin đoạn 2: Depending on whom you ask, the 26th century will either be a little chilly or infernally hot. Some solar output models suggest that by the 2500s, Earth's climate will have cooled back down to near Little Ice Age conditions. Other studies predict that ongoing climate change and fossil fuel use will render much of the planet too hot for human life by 2300. <i>(Tùy thuộc vào người bạn hỏi là ai, thế kỉ 26 hoặc sẽ có chút giá lạnh, hoặc sẽ cực kì nóng. Một số mô hình đầu ra năng lượng mặt trời cho thấy rằng vào những năm 2500, khí hậu Trái Đất sẽ lạnh dần xuống gần điều kiện Kỷ Băng Hà Nhỏ. Các nghiên cứu khác dự đoán rằng sự biến đổi khí hậu đang diễn ra và việc sử dụng nhiên liệu hoá thạch sẽ khiến cho hành tinh này trở nên quá nóng cho cuộc sống con người vào năm 2300).</i>
69	C	Từ "harness" ở đoạn 4 có thể được thay thế bởi từ nào? A. làm mới B. điều chỉnh C. khai thác D. khám phá Từ đồng nghĩa: harness (<i>khai thác</i>) = exploit In other words, we'll become a species that can harness the entire sum of a planet's energy. <i>(Nói cách khác, chúng ta sẽ trở thành 1 loài mà có thể khai thác toàn bộ năng lượng của 1 hành tinh).</i>
70	D	Từ "they" trong đoạn 4 đề cập đến từ nào? A. phản ứng tổng hợp và năng lượng mặt trời B. công nghệ năng lượng sạch C. những chuyên gia D. những người ở thế kỉ 26 Từ "they" thay thế cho danh từ những người ở thế kỉ 26. Wielding such power, 26th-century humans will be masters of clean energy technologies such as fusion and solar power. Furthermore, they'll be able to manipulate planetary energy in order to control global climate. <i>(Nắm giữ sức mạnh như vậy, những người thế kỉ 26 sẽ trở thành những chuyên gia về công nghệ năng lượng sạch như phản ứng tổng hợp và năng lượng mặt trời. Hơn nữa, họ sẽ có thể thao túng năng lượng hành tinh để kiểm soát khí hậu toàn cầu).</i>
71	B	Câu nào trong những câu sau đúng về những dự đoán trong tương lai? A. Michio Kaku cho rằng sự tiến bộ từ nền văn minh loại 0 lên loại 1 sẽ mất khoảng 2 thế kỉ. B. Con người trong những năm 2500 có thể kiểm soát nguồn năng lượng của Trái Đất để làm giảm khí hậu toàn cầu.

		C. Tốc độ cải thiện công nghệ sẽ tiếp tục dễ thay đổi trong tương lai xa. D. Năng lượng mặt trời sẽ là nguồn năng lượng chính cho công dân thế kỷ 26. Căn cứ thông tin đoạn 4: Theoretical physicist and futurist Michio Kaku predicts that in a mere 100 years, humanity will make the leap from a type zero civilization to a type I civilization on the Kardashev Scale. In other words, we'll become a species that can harness the entire sum of a planet's energy. Wielding such power, 26th-century humans will be masters of clean energy technologies such as fusion and solar power. Furthermore, they'll be able to manipulate planetary energy in order to control global climate. Physicist Freeman Dyson, on the other hand, estimates the leap to a type I civilization would occur within roughly 200 years. <i>(Nhà vật lý lý thuyết và tương lai học Michio Kaku dự đoán rằng chỉ trong vòng 100 năm nữa, nhân loại sẽ tạo ra một bước nhảy vọt từ nền văn minh loại 0 lên nền văn minh loại 1 trên thang Kardashev. Nói cách khác, chúng ta sẽ trở thành một loài mà có thể khai thác toàn bộ năng lượng của một hành tinh. Nắm giữ sức mạnh như vậy, những người thế kỷ 26 sẽ trở thành những chuyên gia về công nghệ năng lượng sạch như phản ứng tổng hợp và năng lượng mặt trời. Hơn nữa, họ sẽ có thể thao túng năng lượng hành tinh để kiểm soát khí hậu toàn cầu. Mặt khác, nhà vật lý Freeman Dyson ước tính bước nhảy vọt lên nền văn minh loại 1 sẽ xảy ra trong vòng 200 năm).</i>
72	D	Theo Adrian Berry, những điều sau là việc mà những người trong tương lai có thể làm, ngoại trừ_____. A. trồng trọt dưới đại dương B. du lịch giữa các vì sao C. khám phá vũ trụ bằng robot D. sống bao lâu cũng được Căn cứ thông tin đoạn cuối: Futurist and author Adrian Berry believes the average human life span will reach 140 years and that the digital storage of human personalities will enable a kind of computerized immortality. Humans will farm the oceans, travel in starships and reside in both lunar and Martian colonies while robots explore the outer cosmos. <i>(Nhà tương lai học và tác giả Adrian Berry tin rằng tuổi thọ trung bình của con người sẽ đạt đến 140 tuổi và việc lưu trữ kỹ thuật số của tính cách con người sẽ cho phép một loại bất tử trên máy tính. Con người có thể trồng trọt dưới đại dương, du hành giữa các vì sao và cư trú ở cả sao Hỏa và mặt trăng trong khi robot khám phá vũ trụ bên ngoài).</i>
73	A	Có thể suy ra từ đoạn văn rằng_____ A. không ai có thể chắc chắn cuộc sống vào những năm 2500 sẽ như thế nào. B. những gì chúng ta tưởng tượng về cuộc sống trong thế kỷ 26 cũng giống như những người ở thế kỷ 16 nghĩ về cuộc sống hiện tại. C. Những dự đoán của các nhà khoa học khác nhau có thể vẽ ra cùng một thế giới trong 500 năm tới. D. Công nghệ sẽ ảnh hưởng hầu hết các lĩnh vực của cuộc sống trong tương lai. Căn cứ vào thông tin cả bài:

		Mỗi nhà khoa học lại dự đoán cuộc sống trong tương lai khác nhau nên không ai có thể chắc chắn về cuộc sống vào những năm 2500 như thế nào.
--	--	---